

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: / /ND-CP

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm

Dự thảo lần 2

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về cơ chế thử nghiệm có kiểm soát đối với:

- Các giải pháp công nghệ được ứng dụng trong lĩnh vực ngân hàng của các tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.
- Các giải pháp công nghệ được ứng dụng trong lĩnh vực ngân hàng do các công ty công nghệ tài chính độc lập cung ứng ra thị trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Tổ chức tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng có nhu cầu tham gia vào Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.
- Các công ty công nghệ tài chính có nhu cầu tham gia vào Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giải pháp công nghệ tài chính (sau đây gọi là giải pháp Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng là những đổi mới sáng tạo và hiện đại về dịch vụ tài chính dựa trên ứng dụng công nghệ được áp dụng trong lĩnh vực ngân hàng.

2. Công ty công nghệ tài chính (sau đây gọi là công ty Fintech) là tổ chức không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có giấy phép thành lập hoặc đăng ký kinh doanh hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam, độc lập cung ứng giải pháp Fintech hoặc thông qua hợp tác với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để cung ứng giải pháp Fintech ra thị trường.

3. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (sau đây gọi là Cơ chế thử nghiệm) là một môi trường thử nghiệm hạn chế, bị giới hạn về phạm vi và thời gian hoặc đối tượng khách hàng, trong đó các tổ chức tham gia có thể thử nghiệm các giải pháp Fintech theo quy định tại Nghị định này và chịu sự giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm là tổ chức tín dụng và công ty Fintech đã được Ngân hàng Nhà nước cấp giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm.

5. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm bao gồm các cơ quan quản lý, khách hàng sử dụng giải pháp Fintech và các đối tác hợp tác có liên quan trực tiếp tới giải pháp Fintech của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

6. Cho vay ngang hàng (Peer to peer Lending hay P2P Lending) là hoạt động cho vay trên nền tảng công nghệ được thiết kế và thực hiện dựa trên ứng dụng công nghệ tài chính do công ty cho vay ngang hàng thực hiện với vai trò trung gian kết nối người đi vay với người cho vay.

7. Công ty cho vay ngang hàng là công ty Fintech cung cấp giải pháp cho vay ngang hàng ra thị trường.

8. Giao diện lập trình ứng dụng (Application Programming Interface - API) là giao diện được một hệ thống máy tính cung cấp để cho phép các hệ thống máy tính khác có thể yêu cầu dịch vụ hoặc cho phép dữ liệu có thể được trao đổi qua lại giữa các hệ thống máy tính này.

9. Cấp tín dụng trên nền tảng công nghệ là nghiệp vụ cấp tín dụng theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng được thiết kế và thực hiện dựa trên ứng dụng công nghệ tài chính.

10. Chấm điểm tín dụng (Credit Scoring) là giải pháp ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin vào chấm điểm mức độ uy tín tín dụng của một cá nhân, pháp nhân nhằm hỗ trợ quyết định cấp tín dụng.

11. Ứng dụng công nghệ trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng là việc tổ chức tin dùng sử dụng công nghệ số kết hợp với khai thác, phân tích dữ liệu trong quá trình cung ứng các dịch vụ ngân hàng bao gồm nhưng không giới hạn: dịch vụ thanh toán, cấp tín dụng, huy động vốn, theo đó việc đổi mới, đơn giản hóa nghiệp vụ dựa trên ứng dụng công nghệ có thể làm thay đổi một phần hoặc toàn bộ quy trình được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan trong lĩnh vực ngân hàng.

12. Công nghệ chuỗi khối (Blockchain) là công nghệ giúp lưu trữ, truyền tải dữ liệu thông qua một mạng lưới máy tính gồm nhiều nút mạng ngang hàng trong đó mỗi nút mạng đầy đủ đều được tự động đồng bộ một bản sao của các khối Blockchain; các khối được thêm vào Blockchain theo thứ tự thời gian tuyến tính sau khi có được sự đồng thuận tự động bằng phần mềm, được móc xích với nhau và được mã hóa để không thể bị thay đổi.

13. Công nghệ sổ cái phân tán (Distributed Ledger Technology - DLT) là thuật ngữ được dùng để cập đến các giao thức công nghệ và cơ sở hạ tầng hỗ trợ cho phép các máy tính ở các địa điểm khác nhau trên một mạng lưới đề xuất và xác thực các giao dịch bản ghi đồng thời cập nhật, đồng bộ một cách không thể bị thay đổi các bản ghi dữ liệu trên một mạng máy tính.

Điều 4. Mục tiêu của Cơ chế thử nghiệm

1. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo và hiện đại hóa lĩnh vực ngân hàng qua đó hiện thực hóa mục tiêu phổ cập tài chính cho người dân và doanh nghiệp theo hướng minh bạch, thuận tiện, hiệu quả với chi phí thấp.

2. Tạo lập môi trường thử nghiệm nhằm đánh giá rủi ro, chi phí, lợi ích của giải pháp Fintech; hỗ trợ xây dựng, phát triển các giải pháp Fintech phù hợp với nhu cầu thị trường, khung khổ pháp lý, quy định quản lý.

3. Hạn chế rủi ro xảy ra đối với khách hàng khi tham gia sử dụng các giải pháp Fintech tham gia thử nghiệm chưa được quy định trong khung khổ pháp lý, quy định quản lý chính thức.

4. Kết quả triển khai thử nghiệm giải pháp Fintech được sử dụng làm căn cứ thực tiễn để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng và hoàn thiện khung khổ pháp lý, quy định quản lý liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm

Để đảm bảo tính công bằng, khách quan, công khai và minh bạch, việc xét duyệt các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được thực hiện theo các nguyên tắc cơ bản như sau:

1. Việc được tham gia Cơ chế thử nghiệm không đồng nghĩa với việc tổ chức tham gia thử nghiệm sẽ được cấp Giấy phép hoạt động chính thức hoặc giải pháp Fintech được chính thức công nhận để cung ứng ra thị trường.

2. Các giải pháp Fintech được xem xét tham gia Cơ chế thử nghiệm phải thuộc các lĩnh vực được quy định tại Nghị định này.

3. Số lượng tối đa tổ chức được xét duyệt tham gia Cơ chế thử nghiệm do Ngân hàng Nhà nước quyết định căn cứ vào khả năng xét duyệt hồ sơ và năng lực giám sát trong từng thời kỳ, phù hợp với điều kiện phát triển thực tế của thị trường.

4. Quá trình xét duyệt tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm đảm bảo tính minh bạch về tiêu chí, quy trình đánh giá, lựa chọn.

Điều 6. Nguyên tắc đối xử đối với các tổ chức không tham gia Cơ chế thử nghiệm

Đối với tổ chức tín dụng, công ty Fintech không có nhu cầu tham gia Cơ chế thử nghiệm hoặc không được tham gia Cơ chế thử nghiệm do không đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này, các tổ chức này hoạt động và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 7. Các giải pháp Fintech trong lĩnh vực ngân hàng được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm

Các giải pháp Fintech trong lĩnh vực ngân hàng được phép thử nghiệm tại Cơ chế thử nghiệm gồm những lĩnh vực như sau:

1. Cấp tín dụng trên nền tảng công nghệ.
2. Chấm điểm tín dụng.
3. Chia sẻ dữ liệu qua giao diện lập trình ứng dụng (API).
4. Cho vay ngang hàng (P2P Lending).
5. Ứng dụng công nghệ chuỗi khối, sổ cái phân tán (Blockchain Technology, DLT) trong hoạt động ngân hàng.
6. Ứng dụng các công nghệ khác trong hoạt động nghiệp vụ ngân hàng, triển khai mô hình hợp tác kinh doanh đổi mới sáng tạo phù hợp với mục tiêu của Cơ chế thử nghiệm quy định tại Điều 4 Nghị định này.

Điều 8. Thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, cấp và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm

Ngân hàng Nhà nước là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm; phối hợp với các Bộ liên quan để thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm (sau đây gọi là hồ sơ); cấp và thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm.

Chương II

ĐĂNG KÝ VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN THAM GIA CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM

Mục 1. ĐỐI VỚI CÁC GIẢI PHÁP FINTECH ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 1, 2, 3, 5, 6 ĐIỀU 7

Điều 9. Điều kiện và tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm

Tổ chức tín dụng và công ty Fintech được xem xét cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm khi đáp ứng các điều kiện và tiêu chí như sau:

1. Là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, giải thể, phá sản theo quyết định đã được ban hành; không thuộc nhóm tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt theo Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức đề nghị tham gia Cơ chế thử nghiệm phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực phụ trách.

Đội ngũ cán bộ thực hiện giải pháp Fintech thử nghiệm có trình độ chuyên môn về lĩnh vực đảm nhiệm.

3. Giải pháp Fintech đề nghị tham gia Cơ chế thử nghiệm thỏa mãn các tiêu chí:

a) Là giải pháp mà nội dung kỹ thuật và nghiệp vụ hoàn toàn chưa được quy định tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào hoặc quy định pháp lý hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng cho việc triển khai, áp dụng;

b) Là giải pháp có tính đổi mới sáng tạo, đem lại lợi ích, giá trị gia tăng cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam, đặc biệt là các giải pháp hỗ trợ và thúc đẩy mục tiêu phổ cập tài chính;

c) Là giải pháp đã thiết kế, xây dựng được khung quản lý rủi ro, hạn chế tác động tiêu cực tới hệ thống ngân hàng và hoạt động ngân hàng - tiền tệ - ngoại hối; đã xây dựng phương án hợp lý về xử lý, khắc phục các rủi ro xảy ra trong quá trình thử nghiệm phù hợp;

d) Là giải pháp đã được tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm thực hiện các biện pháp rà soát, đánh giá đầy đủ, trên các khía cạnh hoạt động và chức năng, công dụng, tính hữu ích;

e) Là giải pháp có tính khả thi để có thể cung ứng ra thị trường sau khi hoàn thành quá trình thử nghiệm.

Điều 10. Hồ sơ đăng ký

1. Hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm gồm một (01) bản gốc và năm (05) bản sao, mỗi bộ Hồ sơ bao gồm các tài liệu cụ thể như sau:

a) Đơn đăng ký tham gia theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm Nghị định này.

b) Bản sao Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam cấp.

c) Tài liệu mô tả về cơ cấu tổ chức và quản lý điều hành trong trường hợp triển khai giải pháp Fintech đăng ký thử nghiệm.

d) Đề án mô tả giải pháp Fintech được đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm, trong đó thể hiện mô hình mô phỏng giải pháp hoặc bản trình diễn thử (Demo); phạm vi và thời gian dự kiến thử nghiệm; nhóm khách hàng tiềm năng; việc đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Điều 9 được hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục 02 ban hành kèm Nghị định này; và các quy định khác được quy định tại Nghị định này.

đ) Kế hoạch thử nghiệm, bao gồm: phạm vi và thời gian thử nghiệm, kinh phí dự kiến cho hoạt động thử nghiệm, nguồn lực tham gia thử nghiệm, các nguyên tắc trao đổi, báo cáo với Ngân hàng Nhà nước trong giai đoạn thử nghiệm và kế hoạch chấm dứt thử nghiệm.

2. Nguyên tắc lập và gửi hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm

a) Hồ sơ phải được lập bằng tiếng Việt. Trường hợp văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam (trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định pháp luật về hợp pháp hóa lãnh sự) và dịch ra tiếng Việt;

b) Các bản sao hồ sơ, tài liệu phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật, trường hợp hồ sơ gửi trực tuyến thì thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. Sơ yếu lý lịch cá nhân tự lập được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật;

c) Kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước nhận thành phần hồ sơ hợp lệ, tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm được phép gửi giải trình và hoàn thiện hồ sơ tối đa hai (02) lần.

Điều 11. Trình tự cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm

1. Tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm nộp hồ sơ quy định tại Điều 10 Nghị định này trực tiếp hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận

Một cửa Ngân hàng Nhà nước hoặc nộp trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Ngân hàng Nhà nước.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu các tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm bổ sung thành phần hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện thành phần hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu bổ sung thành phần hồ sơ nhưng tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm không gửi bổ sung đầy đủ thành phần hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức.

3. Trong thời hạn 60 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản xác nhận đã nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước phối hợp với các Bộ liên quan tiến hành thẩm định hồ sơ bao gồm cả việc kiểm tra tại chỗ (nếu cần thiết).

Trên cơ sở nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản đề nghị, các Bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến đối với hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 10 ngày làm việc. Sau thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu giải trình, hoàn thiện hồ sơ mà tổ chức không gửi lại văn bản giải trình, bổ sung hồ sơ thì Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lại hồ sơ cho tổ chức. Thời gian giải trình, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản giải trình, hồ sơ bổ sung, NHNN sẽ tiến hành thẩm định lại hồ sơ bao gồm cả việc xin ý kiến các Bộ liên quan (nếu cần thiết).

4. Sau khi thời gian thẩm định quy định tại khoản 4 Điều này kết thúc, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với tổ chức có hồ sơ đáp ứng các điều kiện và tiêu chí theo quy định tại Điều 9 Nghị định này. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5. Trong thời hạn 90 ngày làm việc, kể từ ngày được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, tổ chức tiến hành thử nghiệm giải pháp Fintech trong phạm vi được quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Điều 12. Thời gian và phạm vi thử nghiệm

1. Thời gian thử nghiệm các giải pháp Fintech tối đa hai (02) năm tùy từng giải pháp và lĩnh vực cụ thể, tính từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước cấp

Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm. Một số yếu tố được cân nhắc để quyết định thời gian thử nghiệm bao gồm nhưng không giới hạn mức độ phức tạp, tính đột phá sáng tạo của giải pháp trong lĩnh vực Fintech có liên quan và đề xuất cụ thể của tổ chức đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Thời hạn của Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm không vượt quá thời hạn (nếu có) của Giấy phép thành lập, đăng ký kinh doanh của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Căn cứ vào tình hình thực hiện thử nghiệm thực tế, Ngân hàng Nhà nước có thể điều chỉnh thời gian thử nghiệm theo quy định tại Điều 21, Điều 22 Nghị định này.

2. Tùy thuộc vào các giải pháp Fintech cụ thể và đề xuất cụ thể của tổ chức đăng ký tham gia thử nghiệm tại hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước sẽ quyết định phạm vi hoạt động của các giải pháp bao gồm, nhưng không giới hạn một hoặc một số yếu tố sau: Về địa lý, về hạn mức giao dịch, về số lượng khách hàng tham gia sử dụng giải pháp; và không thay đổi trong thời gian thử nghiệm.

Mục 2. ĐỐI VỚI GIẢI PHÁP CHO VAY NGANG HÀNG

Điều 13. Nguyên tắc hoạt động

1. Trong quá trình tham gia thử nghiệm, Công ty cho vay ngang hàng đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định này, các quy định pháp luật có liên quan và nội dung tại Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm; chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trong quá trình vận hành, triển khai thử nghiệm giải pháp cho vay ngang hàng.

2. Công ty cho vay ngang hàng trong quá trình tham gia Cơ chế thử nghiệm không được thực hiện các hành vi sau:

- a) Cung cấp biện pháp bảo đảm tiền vay;
- b) Cung cấp dịch vụ môi giới thông tin cho việc vay tiền phục vụ hoạt động đầu tư cổ phiếu và các hoạt động mang tính rủi ro cao khác;
- c) Sử dụng trái phép nguồn tiền từ khách hàng;
- d) Các nhân sự sáng lập, quản lý điều hành tham gia vay, cho vay và là bên bảo đảm hoặc bảo lãnh qua giải pháp Fintech do mình vận hành, lợi dụng ưu thế quản lý, điều hành làm thay đổi các thông tin qua giải pháp Fintech, thực hiện hành vi lừa đảo, gian lận, chiếm đoạt tài sản của khách hàng;
- đ) Nhân sự quản lý, điều hành Công ty cho vay ngang hàng đồng thời là chủ sở hữu, nhân sự quản lý, điều hành của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ tài chính, tín dụng, cầm đồ, kinh doanh đa cấp, là chủ các dây hụi, họ hoặc đang làm trong lĩnh vực ngân hàng, kinh doanh các lĩnh vực liên quan đến trung gian thanh toán, ví điện tử.

Điều 14: Điều kiện và tiêu chí tham gia Cơ chế thử nghiệm

1. Công ty cho vay ngang hàng được xem xét, thẩm định để cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm là pháp nhân được thành lập và hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam; không đang trong quá trình chia, tách, sáp nhập, chuyển đổi, tạm ngừng kinh doanh, giải thể, phá sản; tại Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp không có nội dung hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ.

2. Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty Fintech đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và an ninh mạng.

3. Giải pháp cho vay ngang hàng đề nghị tham gia Cơ chế thử nghiệm thỏa mãn các tiêu chí quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định này.

Điều 15. Hồ sơ đăng ký

Hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm gồm một (01) bản gốc và (07) bảy bản sao gửi Ngân hàng Nhà nước đầu mỗi xem xét, thẩm định. Mỗi bộ hồ sơ bao gồm các tài liệu cụ thể như sau:

1. Đơn đăng ký tham gia theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm Nghị định này.

2. Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam cấp (bản sao chứng thực).

3. Tài liệu mô tả về cơ cấu tổ chức và quản lý, điều hành trong triển khai giải pháp cho vay ngang hàng đăng ký thử nghiệm.

4. Đề án mô tả giải pháp cho vay ngang hàng đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm bao gồm các nội dung sau:

a) Mô hình mô phỏng giải pháp hoặc bản trình diễn thử nghiệm (demo);

b) Kế hoạch thử nghiệm, bao gồm: Phạm vi hoạt động (bao gồm nhưng không giới hạn các yếu tố sau: Địa lý, nhóm khách hàng tiềm năng, hạn mức giao dịch, phí và lãi suất...), thời gian dự kiến thử nghiệm, kinh phí dự kiến cho hoạt động thử nghiệm, nguồn lực tham gia thử nghiệm;

c) Việc đáp ứng các tiêu chí quy định tại Điều 9 được hướng dẫn cụ thể tại Phụ lục 02 kèm Nghị định này và các quy định tại Nghị định này;

d) Quy trình nghiệp vụ đối với giải pháp cho vay ngang hàng;

đ) Kế hoạch, phương án và triển khai các biện pháp phòng ngừa, quản lý và xử lý các rủi ro, trong đó tối thiểu phải bao gồm các nội dung: Quy trình, bộ phận phụ trách công tác phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố phù hợp quy định của pháp luật; biện pháp nhận biết và định kỳ rà soát, quản lý các đối tác khi giao kết hợp đồng và trong quá trình thử nghiệm; biện pháp nhận biết giao dịch đáng

ngờ, dấu hiệu liên quan các hoạt động phạm tội, hành vi vi phạm pháp luật trong quá trình thử nghiệm; kịch bản, phương án xử lý sự cố kỹ thuật tổng thể; hệ thống kỹ thuật dự phòng, đảm bảo an toàn dữ liệu và duy trì hoạt động liên tục; có mô hình dữ liệu, danh mục dữ liệu nhằm chuẩn hóa dữ liệu được chia sẻ, tránh gây nhầm lẫn, tranh chấp giữa với các bên tham gia; các kế hoạch, phương án quản lý rủi ro khác phát sinh trong quá trình thử nghiệm, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro tấn công mạng, rủi ro an toàn bảo mật thông tin khách hàng, rủi ro gian lận giả mạo, lừa đảo...;

e) Cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động; cơ chế phối hợp, cung cấp thông tin định kỳ và đột xuất cho Ngân hàng Nhà nước và cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

g) Quy định, quy trình về nhận biết, định danh khách hàng (KYC);

h) Quy định về hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ 3; hạ tầng công nghệ thông tin và các giải pháp phục vụ triển khai giải pháp cho vay ngang hàng phải đảm bảo hoạt động liên tục, an toàn trong suốt quá trình triển khai thử nghiệm;

i) Lưu trữ thông tin: Dữ liệu, thông tin của toàn bộ khách hàng và các bên liên quan phải được cập nhật, lưu trữ và chia sẻ trên nền tảng công nghệ đảm bảo tính bảo mật thông tin; minh bạch, công khai giữa các bên tham gia và đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

k) Quy định về quyền và trách nhiệm đối với khách hàng: Quy định, cơ chế xử lý, giải quyết tra soát, khiếu nại, tranh chấp của khách hàng theo quy định hiện hành; thông báo đầy đủ, chính xác, rõ ràng và công khai tới khách hàng về thông tin của công ty, các dịch vụ được triển khai; trách nhiệm của công ty, trong đó có trách nhiệm thực hiện khắc phục những tồn tại của giải pháp trong quá trình thử nghiệm, những tổn thất (nếu có) đối với các bên có liên quan, xử lý các giao dịch còn hạn; mức phí, lãi suất, điều kiện trả gốc, lãi; quyền và trách nhiệm của khách hàng trong quá trình thử nghiệm (trong đó, khách hàng là người cho vay phải cam kết sử dụng nguồn tiền tự có hợp pháp để cho vay, tự chịu trách nhiệm đối với các tổn thất nếu không thu hồi được gốc, lãi, có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật; khách hàng là người đi vay phải cam kết cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ về nhân thân, mục đích sử dụng vốn vay, cam kết sử dụng vốn vay hợp pháp, không đi vay để cho vay) và khi dừng hoặc kết thúc thử nghiệm; quy định về việc bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu khách hàng do công ty thu thập, lưu trữ trên hệ thống dữ liệu về các thông tin liên quan đến khách hàng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng;

l) Hệ thống theo dõi, kiểm soát để phản ánh chính xác doanh thu phát sinh từ việc cho vay ngang hàng để có cơ sở xác định nghĩa vụ thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và các khoản thu khác theo quy định của pháp luật về thuế;

m) Quản lý tài khoản và thanh toán cho giao dịch của khách hàng thông qua tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã được Ngân hàng Nhà nước cấp phép hoạt động.

5. Hồ sơ về nhân sự: Sơ yếu lý lịch (Sơ yếu lý lịch cá nhân tự lập phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật), bản sao (các bản sao phải là bản sao được chứng thực hoặc bản sao cấp từ sổ gốc hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu theo quy định của pháp luật) các văn bằng chứng minh năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) và các cán bộ chủ chốt thực hiện triển khai thử nghiệm giải pháp cho vay ngang hàng; phiếu lý lịch tư pháp hoặc văn bản có giá trị tương đương của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) theo quy định của pháp luật (trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm không quá 06 tháng); văn bản của người đại diện có thẩm quyền của đơn vị nơi người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc) đã hoặc đang làm việc xác nhận chức vụ và thời gian đảm nhận chức vụ hoặc bản sao văn bản chứng minh chức vụ và thời gian đảm nhiệm chức vụ tại đơn vị của người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc (Giám đốc).

Điều 16. Trình tự cấp Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm

Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định này.

Điều 17. Thời gian và phạm vi thử nghiệm

Thời gian và phạm vi thử nghiệm giải pháp cho vay ngang hàng thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định này.

Chương III

GIÁM SÁT QUÁ TRÌNH THỬ NGHIỆM VÀ KẾT THÚC THỜI GIAN THỬ NGHIỆM

Điều 18. Chế độ báo cáo

1. Ngân hàng Nhà nước có quyền yêu cầu các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm cung cấp thông tin có liên quan tới quá trình thử nghiệm theo định kỳ và đột xuất.

2. Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm báo cáo định kỳ và cung cấp thông tin đột xuất về quá trình thử nghiệm, các rủi ro phát sinh, kết quả triển khai thử nghiệm cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định. Tổ chức tham gia

Cơ chế thử nghiệm chịu trách nhiệm tự thiết lập các chỉ tiêu báo cáo tương ứng với đặc thù của giải pháp Fintech tham gia thử nghiệm theo quy định tại Nghị định này.

a) Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải lập báo cáo định kỳ hàng quý về các chỉ tiêu vận hành của giải pháp tham gia thử nghiệm theo Phụ lục 06 ban hành kèm Nghị định này. Kỳ báo cáo quý được tính từ ngày 01 tháng đầu quý đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý; thời hạn nộp báo cáo chậm nhất là ngày 10 của tháng đầu tiên quý tiếp theo;

b) Tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải lập báo cáo đánh giá sơ bộ về kết quả triển khai giải pháp thử nghiệm sau thời hạn sáu (06) tháng hoặc một (01) năm (tùy thuộc vào thời gian mà tổ chức được phép thử nghiệm) kể từ ngày được chấp thuận tham gia thử nghiệm theo Phụ lục 07 ban hành kèm Nghị định này. Báo cáo đánh giá sơ bộ phải bao gồm các nội dung chính thể hiện tình trạng triển khai và vận hành của giải pháp, mức độ tiếp nhận của thị trường, các vấn đề phát sinh về kỹ thuật, bảo mật, rủi ro gian lận, rủi ro về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Trước khi kết thúc thời hạn thử nghiệm ít nhất 90 ngày làm việc, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải nộp báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm theo Phụ lục 07 ban hành kèm Nghị định này;

d) Báo cáo sự cố khi phát hiện sự cố gây gián đoạn hoạt động triển khai giải pháp thử nghiệm qua địa chỉ thư điện tử *tt@sbv.gov.vn* trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm phát sinh sự cố và gửi báo cáo bằng văn bản theo Phụ lục 08 ban hành kèm Nghị định này trong vòng 03 ngày làm việc sau khi hoàn thành khắc phục sự cố.

Điều 19. Bảo vệ khách hàng

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng trong quá trình thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm:

1. Ban hành và cung cấp cho khách hàng hướng dẫn khuyến cáo rủi ro khi tham gia sử dụng giải pháp trong thời gian thử nghiệm.

2. Thông báo tới khách hàng về việc sử dụng giải pháp đang tham gia qua trình thử nghiệm; bảo đảm cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, trung thực về giải pháp thử nghiệm, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại giải pháp; chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin không chính xác, không trung thực hoặc không đầy đủ khi cung cấp thông tin cho khách hàng qua bên thứ ba, trừ trường hợp chứng minh đã thực hiện tất cả các biện pháp theo quy định của pháp luật để kiểm tra tính chính xác, đầy đủ, trung thực của thông tin.

3. Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin của khách hàng trong và sau quá trình sử dụng giải pháp thử nghiệm trừ trường hợp cung cấp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Ban hành các quy định về bảo vệ thông tin khách hàng khi lưu trữ và truyền dẫn bằng các cơ chế bảo mật, mã hóa, giấu tên, che giấu dữ liệu. Trong trường hợp tổ chức thu thập, sử dụng, chuyển giao thông tin của người dùng thì có trách nhiệm thông báo trực tiếp tới khách hàng về mục đích sử dụng thông tin trước khi thực hiện; sử dụng thông tin phù hợp với mục đích công bố; bảo đảm chính xác, đầy đủ khi thu thập, chuyển giao thông tin và chỉ được thu thập, chuyển giao thông tin cho bên thứ ba khi có sự cho phép của khách hàng.

4. Xây dựng và đảm bảo tuân thủ quy trình nội bộ và các biện pháp kiểm soát rủi ro có thể dẫn tới việc truy cập hoặc sử dụng trái phép dữ liệu cá nhân, gian lận và đánh cắp thông tin cá nhân của khách hàng.

5. Định kỳ đánh giá rủi ro, bảo đảm thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro trong quá trình thử nghiệm và kịp thời thông báo với khách hàng trong trường hợp có sự thay đổi về mức độ rủi ro của giải pháp thử nghiệm.

6. Thành lập bộ phận xử lý khiếu nại của khách hàng. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và có biện pháp xử lý mọi yêu cầu tra soát, khiếu nại bằng văn bản, qua tổng đài điện thoại, nền tảng trực tuyến hoặc thư điện tử của khách hàng trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu tra soát, khiếu nại từ khách hàng;

b) Bồi thường thiệt hại cho khách hàng tương ứng với lỗi của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm và chịu các chi phí pháp lý liên quan trong trường hợp chứng minh được thiệt hại bắt nguồn từ nguyên nhân chủ quan của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

7. Định kỳ hàng quý hoặc khi có yêu cầu, báo cáo Ngân hàng Nhà nước kết quả xử lý các tình huống phát sinh tranh chấp, khiếu nại của khách hàng.

Điều 20. Kết thúc thời gian thử nghiệm

1. Tối thiểu 90 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải nộp báo cáo tổng kết về hoạt động thử nghiệm theo Phụ lục 07 ban hành kèm Nghị định này.

2. Ngân hàng Nhà nước căn cứ trên báo cáo tổng kết quá trình thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm và quá trình theo dõi, giám sát, ý kiến góp ý, nhận xét của các Bộ liên quan (nếu có) để có phương án xử lý tiếp

theo sau khi kết thúc thời gian thử nghiệm bao gồm: dừng thử nghiệm, chứng nhận hoàn thành thử nghiệm hoặc gia hạn thử nghiệm.

Điều 21. Dừng thử nghiệm

1. Ngân hàng Nhà nước xem xét có văn bản thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đã cấp trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 90 ngày làm việc kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm, tổ chức không triển khai thử nghiệm mà không có lý do chính đáng;

b) Hết thời hạn thực hiện thử nghiệm được quy định tại Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm hoặc hết thời gian đã được gia hạn thử nghiệm mà không được gia hạn tiếp theo quy định tại Điều 22 của Nghị định này;

d) Xuất hiện những rủi ro theo đánh giá của các cơ nhà nước có thẩm quyền có liên quan là nghiêm trọng, có khả năng gây rủi ro lớn, thiệt hại thực tế tới khách hàng hoặc gây bất ổn cho thị trường tài chính-tiền tệ; các sự cố về kỹ thuật không thể khắc phục, vi phạm các quy định pháp luật có liên quan khi có bản án, quyết định thi hành án, quyết định xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực; đ) Tổ chức tự nguyện chấm dứt hoạt động thử nghiệm;

e) Tổ chức chấm dứt hoạt động theo các quy định của pháp luật;

g) Có thay đổi quy định pháp luật dẫn đến phải thu hồi Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm đã cấp;

h) Giải pháp thử nghiệm không đáp ứng được các tiêu chí thử nghiệm theo đánh giá của cơ quan quản lý;

i) Thay đổi một trong các nội dung sau: người đại diện theo pháp luật, thực hiện chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi doanh nghiệp.

2. Các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm bị dừng thử nghiệm không đồng nghĩa với việc không đáp ứng các điều kiện hoạt động theo quy định pháp luật hiện hành. Các tổ chức tự chịu trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình hoạt động.

3. Trình tự xử lý

a) Tối thiểu 90 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải nộp báo cáo kết quả thử nghiệm về Ngân hàng Nhà nước theo mẫu Phụ lục 07 ban hành kèm Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm;

Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được

văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các Bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến đối với Báo cáo kết quả thử nghiệm.

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình, hoàn thiện báo cáo.

c) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước ban hành quyết định về việc dừng thử nghiệm đối với tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm theo quy định tại khoản 1 Điều này;

d) Ngay khi nhận được thông báo về quyết định dừng thử nghiệm của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm:

Lập kế hoạch chấm dứt thử nghiệm, đảm bảo tính khả thi để hoàn tất trong thời hạn tối đa 06 tháng;

Kịp thời thông báo cho khách hàng về việc dừng thử nghiệm ít nhất 30 ngày trước khi chính thức dừng tham gia Cơ chế thử nghiệm;

Bảo đảm quyền lợi khách hàng và có cơ chế giải quyết khiếu nại, bồi thường cho khách hàng trong trường hợp khách hàng bị thiệt hại do việc tổ chức dừng tham gia Cơ chế thử nghiệm;

Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước bằng văn bản về thiệt hại phát sinh và biện pháp xử lý trong trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại do việc dừng tham gia Cơ chế thử nghiệm;

Dừng giới thiệu và cung cấp giải pháp Fintech thử nghiệm cho khách hàng mới; thông báo công khai trên trang tin điện tử chính thức của tổ chức tham gia thử nghiệm về việc thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm.

4. Đối với các trường hợp dừng thử nghiệm khẩn cấp do yêu cầu từ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc do rủi ro nghiêm trọng xảy ra trong quá trình thử nghiệm, ngay sau khi nhận được thông báo bằng văn bản về quyết định dừng thử nghiệm của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện ngay lập tức các quy định tại điểm d Khoản 3 Điều này.

Điều 22. Gia hạn thời gian thử nghiệm

1. Kết thúc thời gian thử nghiệm theo quy định, trong trường hợp khung khổ pháp lý chính thức đối với giải pháp Fintech tham gia thử nghiệm chưa được ban hành và có hiệu lực, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có nhu cầu gia hạn thời gian thử nghiệm có văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo kết quả thử nghiệm gửi Ngân hàng Nhà nước;

2. Quyết định kéo dài thời gian thử nghiệm được xem xét dựa trên báo cáo kết quả thử nghiệm và tình hình thực tế là quyết định cuối cùng của Ngân hàng Nhà nước với thời gian mỗi lần gia hạn thử nghiệm không quá một (01) năm và có thể được gia hạn nhiều lần.

3. Trình tự xử lý

a) Tối thiểu 90 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm phải gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản đề nghị gia hạn thử nghiệm theo mẫu Phụ lục 04 cùng báo cáo đánh giá kết quả thử nghiệm theo mẫu Phụ lục 07 ban hành kèm Nghị định này;

b) Trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản gia hạn thử nghiệm cùng báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm;

Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các Bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến đối với Báo cáo kết quả thử nghiệm;

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm giải trình, hoàn thiện báo cáo.

c) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản gia hạn cùng báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước có văn bản phản hồi về đề nghị gia hạn thời gian thử nghiệm.

Điều 23. Chứng nhận hoàn thành thử nghiệm

1. Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp trong các trường hợp như sau:

a) Khi quy định pháp lý chính thức đối với giải pháp Fintech đã được hoàn thiện và có hiệu lực, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm và thực hiện theo quy định pháp luật tại thời điểm hoàn thành thử nghiệm;

b) Khi việc triển khai giải pháp thử nghiệm của tổ chức được đánh giá là không vi phạm các quy định pháp luật hiện hành và giải pháp không được xem xét là hoạt động kinh doanh có điều kiện, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm và triển khai chính thức ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật tại thời điểm hoàn thành thử nghiệm.

2. Trình tự xử lý

a) Tối thiểu 90 ngày làm việc trước khi kết thúc thời gian thử nghiệm, tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm nộp Báo cáo kết quả thử nghiệm theo mẫu Phụ lục 07 ban hành kèm Nghị định này;

b) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước tiến hành đánh giá toàn bộ quá trình thử nghiệm.

Ngân hàng Nhà nước có văn bản gửi lấy ý kiến tham gia góp ý của các Bộ liên quan (nếu cần thiết). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được

văn bản của Ngân hàng Nhà nước, các Bộ liên quan gửi Ngân hàng Nhà nước văn bản tham gia ý kiến đối với Báo cáo kết quả thử nghiệm.

Trường hợp cần giải trình, làm rõ, Ngân hàng Nhà nước có văn bản yêu cầu tổ chức giải trình, hoàn thiện báo cáo;

c) Trong thời hạn 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm cho tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Điều 24. Trách nhiệm của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm

1. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, đầy đủ và trung thực của các thông tin cung cấp trong hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm; chịu trách nhiệm đối với mọi hoạt động trong quá trình vận hành, triển khai thử nghiệm giải pháp Fintech.

2. Tuân thủ đầy đủ các quy định tại Nghị định này và các quy định pháp luật có liên quan và nội dung tại Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm trong quá trình thử nghiệm;

3. Thường xuyên rà soát, phát hiện các dấu hiệu nghi vấn liên quan đến hoạt động vi phạm pháp luật, kịp thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để điều tra, xử lý.

4. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này và theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch, chính xác cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm.

5. Phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng Nhà nước, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác trong quá trình kiểm tra, giám sát thử nghiệm khi có yêu cầu.

6. Chủ động tự giám sát, đánh giá rủi ro thường xuyên trong quá trình thử nghiệm.

7. Thực hiện nghĩa vụ kê khai, nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế, quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

8. Thực hiện các trách nhiệm theo thỏa thuận với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến Cơ chế thử nghiệm, quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 25. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

a) Trên cơ sở nhận được đầy đủ hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm, Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với các Bộ có liên quan thẩm định hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm; đánh giá việc đáp ứng quy định tại Nghị định này để chấp thuận việc tham gia Cơ chế thử nghiệm đối với từng trường hợp.

b) Đầu mối tiếp nhận, xử lý việc dừng thử nghiệm, gia hạn thời gian thử nghiệm; đầu mối cấp, thu hồi Giấy chứng nhận thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm.

c) Theo dõi tình hình thực hiện, hướng dẫn và xử lý vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có).

d) Cập nhật danh sách các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm trên trang thông tin điện tử chính thức của Ngân hàng Nhà nước.

đ) Chủ trì thực hiện kiểm tra, quản lý và giám sát quá trình thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

e) Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện.

g) Sau khi kết thúc thời gian thử nghiệm các giải pháp Fintech, chủ trì thực hiện tổng kết, đánh giá, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Chính phủ kết quả thực hiện và kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

2. Bộ Công an

a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có). Chủ động cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan khi phát hiện tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc có nguy cơ phát sinh các rủi ro ảnh hưởng tới ổn định tài chính tiền tệ, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của khách hàng;

d) Chủ động phát hiện, điều tra và xử lý kịp thời các hành vi lợi dụng giải pháp Fintech để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

đ) Phối hợp Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

4. Bộ Công thương

a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công thương) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

5. Bộ Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm;

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm;

c) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

6. Bộ Tư pháp

a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm.

c) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Kế hoạch và Đầu tư) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm.

c) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

8. Bộ Tài chính

a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc thẩm định, đánh giá việc đáp ứng các điều kiện và tiêu chí (liên quan đến chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính) đã được quy định tại Nghị định và các quy định pháp luật có liên quan đối với hồ sơ đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm của các tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm.

b) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước trong việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm, Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm, dừng, gia hạn thử nghiệm.

c) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, các bộ ngành liên quan trong quá trình kiểm tra, quản lý, giám sát và hướng dẫn, xử lý các vướng mắc trong quá trình thử nghiệm (nếu có);

d) Phối hợp Ngân hàng Nhà nước, các bộ, ngành liên quan tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện, kiến nghị, đề xuất chính sách phù hợp.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày...

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

PHỤ LỤC SỐ 01

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022)

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ THAM GIA CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT
HOẠT ĐỘNG FINTECH TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (Cơ chế thử nghiệm);

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/hoặc Hội đồng quản trị của tổ chức đề nghị cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm;

.....¹ đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký tham gia Cơ chế thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

1. Tên của tổ chức xin cấp Giấy chứng nhận tham gia thử nghiệm:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);
- Tên đầy đủ bằng tiếng Anh (nếu có);
- Tên viết bằng tiếng Anh (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

2. Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số....được cấp bởi... ngày.... tháng... năm...

3. Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

4. Địa điểm đặt trụ sở chính, số điện thoại, số Fax, Email.

5. Người đại diện theo pháp luật²:

¹ Tên tổ chức đề nghị

² Trường hợp công ty có nhiều người đại diện theo pháp luật, đề nghị điền đầy đủ thông tin.

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày: Quốc tịch:

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân (CMTND/CCCD/Hộ chiếu):

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: Ngày cấp:

Nơi cấp:

5. Tên, nội dung (các) giải pháp Fintech tham gia Cơ chế thử nghiệm³:

6. Cam kết của tổ chức đề nghị.

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các điều kiện quy định tại Nghị định số / /NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình tham gia và triển khai thử nghiệm (nếu được cấp Giấy chứng nhận). Nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

1. Giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Cơ quan nhà nước có thẩm quyền tại Việt Nam cấp
2. Tài liệu mô tả về cơ cấu tổ chức và quản lý điều hành đối với giải pháp Fintech đăng ký thử nghiệm;
3. Đề án mô tả giải pháp tham gia Cơ chế thử nghiệm Fintech;
4. Hồ sơ về nhận sự.

³ Các lĩnh vực Fintech được tham gia Cơ chế thử nghiệm quy định tại Nghị định số

PHỤ LỤC SỐ 02

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022)

HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ HỒ SƠ CHỨNG MINH VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT THỬ NGHIỆM

Tiêu chí	Nội dung hồ sơ
<p>1. Là giải pháp mà nội dung kỹ thuật, nghiệp vụ và pháp lý hoàn toàn chưa được quy định tại bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào hoặc quy định pháp lý hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể, rõ ràng cho việc triển khai, áp dụng.</p>	<p>1. Hồ sơ đề nghị tham gia Cơ chế thử nghiệm (Hồ sơ đề nghị) cần xác định việc cung ứng giải pháp Fintech thuộc trường hợp nào:</p> <p>(i) Hoàn toàn chưa có quy định pháp luật điều chỉnh;</p> <p>(ii) Quy định pháp luật điều chỉnh chưa có hướng dẫn rõ ràng.</p> <p>Trường hợp việc cung ứng giải pháp Fintech thuộc trường hợp (ii), Hồ sơ đề nghị cần trích dẫn cụ thể các quy định pháp luật điều chỉnh trực tiếp; các vấn đề khó khăn, vướng mắc do quy định pháp luật chưa đầy đủ trong việc triển khai giải pháp Fintech.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị cần thể hiện việc rà soát, liệt kê các quy định pháp luật liên quan mà tổ chức đề nghị tham gia thử nghiệm cần đảm bảo tuân thủ trong quá trình cung ứng giải pháp Fintech.</p>
<p>2. Là giải pháp có tính đổi mới sáng tạo, đem lại lợi ích, giá trị gia tăng cho người sử dụng dịch vụ tại Việt Nam, đặc biệt là các giải pháp hỗ trợ và thúc đẩy mục tiêu phổ cập tài chính.</p>	<p>1. Chứng minh tính sáng tạo của giải pháp Fintech.</p> <p>Hồ sơ đề nghị cần thể hiện việc rà soát, so sánh với các giải pháp/dịch vụ đã từng được cung ứng ra thị trường để chứng minh, giải pháp Fintech thuộc trường hợp nào dưới đây:</p> <p>(i) Giải pháp Fintech là giải pháp mới hoàn toàn chưa từng được cung ứng ra thị trường trước đó;</p> <p>(ii) Giải pháp Fintech là giải pháp giúp cải tiến các dịch vụ đã được cung ứng ra thị trường. Trường hợp này, Hồ sơ đề nghị cần đối chiếu, so sánh với các giải pháp tương tự đang được cung ứng trên thị trường.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị cần chứng minh các lợi ích do giải pháp Fintech đem lại cho:</p> <p>- Người sử dụng dịch vụ: Giải pháp Fintech hướng tới giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc trong tiếp</p>

	<p>cận các dịch vụ tài chính của nhóm khách hàng mục tiêu, giải pháp Fintech mang lại lợi ích với nhóm khách hàng mục tiêu (bao gồm lợi ích trực tiếp và lợi ích gia tăng);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức hợp tác/liên kết: cải tiến quy trình dịch vụ, mang lại các lợi ích cho tổ chức hợp tác/liên kết (lợi ích tài chính và lợi ích phi tài chính). <p>3. Hồ sơ đề nghị cần thể hiện giải pháp Fintech trong góp phần hỗ trợ và thúc đẩy mục tiêu mở rộng phổ cập tài chính ở một hoặc một phần hoặc toàn bộ các khía cạnh sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp Fintech góp phần nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng tài chính (đối với khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa) - Giải pháp Fintech góp phần nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của nhóm đối tượng mục tiêu được quy định tại Chiến lược tài chính toàn diện quốc gia¹ (người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ và những đối tượng yếu thế khác; doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp siêu nhỏ, hợp tác xã, hộ gia đình sản xuất kinh doanh). Việc chứng minh có thể được đánh giá trên cơ sở lợi ích đem lại cho người sử dụng dịch vụ. - Giải pháp Fintech góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết tài chính của xã hội về tài chính toàn diện...
<p>3. Là giải pháp được thiết kế, xây dựng được khung quản lý rủi ro toàn diện, hạn chế tác động tiêu cực tới hệ thống ngân hàng và hoạt động ngân hàng – tiền tệ - ngoại hối; đã xây dựng phương án hợp lý, khắc phục các rủi ro xảy ra trong quá trình thử nghiệm phù hợp.</p>	<p>Hồ sơ đề nghị cần xây dựng khung quản lý rủi ro đầy đủ, thể hiện ở việc:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận diện, đánh giá (các) rủi ro phát sinh của giải pháp Fintech (như rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro pháp lý, rủi ro danh tiếng, rủi ro đạo đức, rủi ro an ninh mạng, rủi ro rửa tiền và tài trợ khủng bố, rủi ro bảo mật và rò rỉ dữ liệu...); - Xây dựng, ban hành quy chế kiểm soát nội bộ và quy định trách nhiệm các bộ phận liên quan trong việc quản lý rủi ro đối với việc cung ứng giải pháp Fintech (đánh giá và cảnh báo rủi ro, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, kiểm soát rủi ro, đề xuất các giải pháp để ngăn chặn rủi ro)

	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng, ban hành cơ chế áp dụng biện pháp phòng ngừa, kiểm soát đối với từng loại rủi ro có thể phát sinh và phương án xử lý trong trường hợp phát sinh rủi ro. - Xây dựng, ban hành cơ chế giải quyết tranh chấp, khiếu nại, bao gồm một số nội dung: Kênh tiếp nhận, bộ phận tiếp nhận, khâu xử lý khiếu nại của khách hàng/người sử dụng dịch vụ (điện thoại, email...); quy trình, thủ tục, thời gian xử lý giải quyết tranh chấp, khiếu nại của khách hàng/người sử dụng dịch vụ; Trách nhiệm của các bên liên quan (tổ chức cung ứng giải pháp, khách hàng, tổ chức hợp tác cung ứng dịch vụ...) trong việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại. - Xây dựng và ban hành Quy chế bảo vệ quyền lợi người sử dụng dịch vụ/khách hàng, bao gồm một số nội dung: trách nhiệm của tổ chức tham gia thử nghiệm đối với khách hàng (bảo vệ thông tin cá nhân cho khách hàng, giải quyết tranh chấp, khiếu nại từ khách hàng...); quyền của khách hàng (quyền được bảo đảm an toàn; quyền được cung cấp thông tin chính xác và đầy đủ; quyền được yêu cầu bồi thường thiệt hại; quyền được khiếu nại; quyền được tư vấn, hỗ trợ...). - Xây dựng và ban hành Quy chế công bố thông tin về hoạt động của tổ chức trong quá trình tham gia thử nghiệm: nội dung thông tin cần công bố (thông tin công bố phải đảm bảo khách hàng hiểu tổ chức đang trong quá trình thử nghiệm, các hoạt động khách hàng cần thực hiện để đảm bảo an toàn tài sản, các rủi ro khách hàng có thể gặp phải khi tổ chức thất bại trong quá trình cung ứng giải pháp, việc giải quyết các vướng mắc, tranh chấp, khiếu nại của khách hàng); tần suất, phương thức công bố thông tin; tính công khai, minh bạch, rõ ràng của thông tin,...
<p>4. Là giải pháp đã được tổ chức tham gia Cơ chế thử nghiệm thực hiện các biện pháp rà soát, đánh giá đầy đủ, toàn diện dựa trên các khía cạnh hoạt động và chức</p>	<p>Hồ sơ đề nghị phải thể hiện việc giải pháp Fintech đã được đánh giá tính đầy đủ, toàn diện các mặt hoạt động và chính xác chức năng, công dụng, tính hữu ích :</p>

<p>năng, công dụng, tính hữu ích.</p>	<p>(i) Trường hợp giải pháp lần đầu tiên trên thị trường được cung ứng trực tiếp tới khách hàng/người sử dụng dịch vụ: Giải pháp Fintech có thể đáp ứng nhu cầu của khách hàng/người sử dụng dịch vụ và thị trường; giải pháp Fintech có khả năng thu hút khách hàng/người sử dụng dịch vụ, giải pháp thử nghiệm;</p> <p>(i) Trường hợp Giải pháp hỗ trợ, góp phần cải tiến quy trình của sản phẩm, dịch vụ đã được cung ứng trên thị trường: Giải pháp Fintech đáp ứng nhu cầu của tổ chức hợp tác, Giải pháp Fintech giúp giải quyết một số vấn đề và giúp cải tiến quy trình cung ứng sản phẩm, dịch vụ của tổ chức hợp tác hiện tại trong một số khía cạnh: rút ngắn quy trình cung ứng, nâng cao tính bảo mật, an toàn trong quy trình cung ứng...</p>
<p>5. Là giải pháp có tính khả thi, có thể cung ứng ra thị trường sau khi hoàn thành quá trình thử nghiệm.</p>	<p>Hồ sơ phải thể hiện việc cung ứng giải pháp Fintech khả thi, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải pháp Fintech có thể triển khai áp dụng với các điều kiện về cơ sở hạ tầng cung ứng dịch vụ tài chính tại Việt Nam, đáp ứng yêu cầu về dịch vụ thực tiễn tại thị trường Việt Nam. - Giải pháp Fintech có thể thu hút nguồn vốn đầu tư triển khai và có khả năng tạo ra lợi nhuận. - Nguồn lực của công ty phù hợp để triển khai giải pháp Fintech và đưa giải pháp Fintech ra thị trường (Nguồn vốn (bao gồm vốn chủ sở hữu và vốn huy động, dự kiến nguồn lực, chi phí triển khai (Chi phí đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ, không gian thử nghiệm, nhân sự, quảng cáo,...); năng lực của tổ chức tham gia thử nghiệm (kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, công nghệ thông tin, quản trị kinh doanh...))

Trong quá trình tham gia thử nghiệm, Tổ chức... thực hiện cung ứng giải pháp Fintech thử nghiệm trong thời gian và phạm vi thử nghiệm quy định tại Điều 3 Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm này theo các nội dung tại hồ sơ đăng ký tham gia thử nghiệm đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật.

Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm này có hiệu lực trong thời hạn tương ứng với thời gian thử nghiệm được quy định tại Điều 3 kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ...;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Vụ CSTT trực thuộc NHNN;
- Cơ quan TTGSNH trực thuộc NHNN;
- Lưu.

THÔNG ĐỐC

PHỤ LỤC SỐ 04*(Ban hành kèm theo Nghị định số/2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022)***TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ
GIA HẠN THỬ NGHIỆM****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**-----
Số:.....-----
....., ngày..... tháng..... năm.....**ĐƠN XIN GIA HẠN THỜI GIAN THAM GIA
CƠ CHẾ THỬ NGHIỆM CÓ KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG FINTECH
TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG****Kính gửi:** Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính trong lĩnh vực ngân hàng (Cơ chế thử nghiệm);

Căn cứ Biên bản cuộc họp Hội đồng thành viên/Đại hội đồng cổ đông/hoặc Hội đồng quản trị của tổ chức đề nghị gia hạn thời gian tham gia Cơ chế thử nghiệm;

Căn cứ Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm số ... ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

.....⁴ đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét gia hạn thời gian tham gia Cơ chế thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

- Tên tổ chức:

- Địa điểm đặt trụ sở chính:

- Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số được cấp bởi ... ngày tháng ... năm ...

- Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm số ... ngày tháng năm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định thời gian tham gia thử nghiệm đối với giải pháp là năm và sẽ kết thúc vào ngày tháng năm

Căn cứ tình hình cung ứng giải pháp thử nghiệm,⁵ đề xuất Ngân hàng Nhà nước gia hạn thời gian tham gia Cơ chế thử nghiệm từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

⁴ Tên tổ chức đề nghị

⁵ Tên tổ chức đề nghị

Lý do:

Chúng tôi cam kết đáp ứng và chấp hành nghiêm chỉnh các điều kiện quy định tại Nghị định số / /NĐ-CP của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng và đảm bảo việc tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan trong quá trình gia hạn thử nghiệm (nếu được cấp Giấy chứng nhận gia hạn tham gia Cơ chế thử nghiệm). Nếu vi phạm xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hồ sơ gửi kèm:

- Báo cáo tổng kết, đánh giá quá trình thử nghiệm.

PHỤ LỤC SỐ 05

(Ban hành kèm theo Nghị định số.../2022/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2022)

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-NHNN

....., ngày.....tháng..... năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
HOÀN THÀNH THỬ NGHIỆM

Căn cứ Nghị định số ngày tháng năm của Chính phủ quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát hoạt động công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng;

Căn cứ Báo cáo kết quả thử nghiệm giải pháp công nghệ tài chính (Fintech) trong lĩnh vực ngân hàng của...;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thanh toán,

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm với nội dung cụ thể như sau:

Điều 1. Tổ chức được cấp Giấy chứng nhận hoàn thành thử nghiệm

a, Tên của tổ chức:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt (nếu có);
- Tên đầy đủ bằng tiếng nước ngoài (nếu có);
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài (nếu có):
- Tên dùng để giao dịch (nếu có):

b, Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số....được cấp bởi... ngày.... tháng... năm...

c, Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:

d, Địa điểm đặt trụ sở chính:

Điều 2. Về việc hoàn thành thử nghiệm

..... đã hoàn thành thử nghiệm giải pháp ... theo phạm vi được quy định tại Giấy chứng nhận thử nghiệm số .../QĐ-NHNN ngày ... tháng ... năm ...

..... tiến hành triển khai chính thức việc cung ứng giải pháp ... ra thị trường phù hợp với quy định pháp luật hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ...;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Lưu.

THÔNG ĐỐC

PHỤ LỤC SỐ 06

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2022/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2022)

**TÊN CÔNG TY CÔNG NGHỆ
TÀI CHÍNH/TÊN NGÂN HÀNG**

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

**VỀ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH (FINTECH)
TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**

Kỳ (Quý/Năm)...

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

I. Giải pháp Fintech trong lĩnh vực ngân hàng mà tổ chức cung cấp

1. Tên giải pháp Fintech trong lĩnh vực ngân hàng đã được NHNN cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm :
2. Báo cáo chi tiết theo từng giải pháp Fintech trong lĩnh vực ngân hàng đã được NHNN cấp Giấy chứng nhận tham gia Cơ chế thử nghiệm:

2.1. Tình hình cung ứng dịch vụ

Chỉ tiêu	Định nghĩa	Định kỳ báo cáo
2.1.1. Thông tin đối tác		
G-1 Thông tin tên thương hiệu dịch vụ	Tên ứng dụng, tên thương hiệu dịch vụ để khách hàng có thể nhận biết dịch vụ mà Công ty công nghệ tài chính/Ngân hàng đang triển khai; không gây nhầm lẫn với các dịch vụ, thương hiệu hiện có trên thị trường	Quý
G-2 Đối tác hợp tác	Danh sách ngân hàng/tổ chức/đối tác hợp tác trong quá trình thử nghiệm tính đến cuối kỳ báo cáo.	Quý

2.1.2. Tình hình về số lượng khách hàng		
G-3 Khách hàng cá nhân	Số lượng khách hàng cá nhân sử dụng dịch vụ (tính đến cuối kỳ báo cáo).	Quý
G-4 Khách hàng tổ chức	Số lượng khách hàng tổ chức sử dụng dịch vụ.	Quý
2.1.3. Về phạm vi địa lý		
G-5 Khu vực triển khai thử nghiệm trong nước	Số lượng tỉnh, thành phố, khu vực nơi Công ty công nghệ tài chính/Ngân hàng triển khai thử nghiệm (tính đến cuối kỳ báo cáo).	Quý
2.1.4. Tình hình giao dịch		
2.1.4.1 Giao dịch toàn hệ thống		
G-6 Số lượng giao dịch xử lý thành công	Tổng số lượng giao dịch do hệ thống xử lý thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý
G-7 Giá trị giao dịch xử lý thành công	Tổng giá trị giao dịch do hệ thống xử lý thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý
G-8 Số lượng giao dịch xử lý không thành công	Tổng số lượng giao dịch do hệ thống xử lý không thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý
G-9 Giá trị giao dịch xử lý không thành công	Tổng giá trị giao dịch do hệ thống xử lý không thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý
2.1.4.2 Giao dịch của khách hàng tổ chức		
G-10 Số lượng giao dịch của khách hàng tổ chức	Tổng số lượng giao dịch của khách hàng tổ chức được hệ thống xử lý thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý
G-11 Giá trị giao dịch của khách hàng tổ chức	Tổng giá trị giao dịch của khách hàng tổ chức được hệ thống xử lý thành công theo	Quý

	từng tháng trong kỳ báo cáo.	
G-12 Hạn mức giao dịch	Giá trị tối đa trên một giao dịch của khách hàng cá nhân được phép giao dịch	Quý
<i>2.1.4.3 Giao dịch của khách hàng cá nhân</i>		
G-13 Số lượng giao dịch của cá nhân	Tổng số lượng giao dịch của khách hàng cá nhân được hệ thống xử lý thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý
G-14 Giá trị giao dịch của cá nhân	Tổng giá trị giao dịch của khách hàng cá nhân được hệ thống xử lý thành công theo từng tháng trong kỳ báo cáo.	Quý
G-15 Hạn mức giao dịch	Giá trị tối đa trên một giao dịch của khách hàng tổ chức được phép giao dịch	Quý

2.2. Tình hình rủi ro

Chỉ tiêu	Định nghĩa	Định kỳ báo cáo
<i>2.2.1. Rủi ro vận hành</i>		
R-1 Khoảng thời gian xảy ra sự cố	Tổng số thời gian (tính theo giờ) xảy ra sự cố làm gián đoạn việc cung ứng dịch vụ trong kỳ báo cáo.	Quý
R-2 Số lượng giao dịch liên quan đến sự cố	Tổng số lượng giao dịch liên quan đến sự cố trong kỳ báo cáo.	Quý
R-3 Giá trị giao dịch liên quan đến sự cố	Tổng giá trị giao dịch liên quan đến sự cố trong kỳ báo cáo.	Quý
<i>2.2.2. Rủi ro gian lận, giả mạo</i>		
R-4 Số lượng giao dịch liên quan đến các vụ việc phát sinh rủi ro	Tổng số lượng giao dịch liên quan đến rủi ro gian lận, giả mạo đã được phát hiện trong kỳ báo cáo.	Quý
R-5 Giá trị giao dịch liên quan đến các vụ việc phát sinh rủi ro	Tổng giá trị giao dịch liên quan đến rủi ro gian lận, giả mạo đã được phát hiện trong kỳ báo cáo.	Quý

II. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện dịch vụ

III. Những kiến nghị, đề xuất với Ngân hàng Nhà nước (nếu có)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 07

(Ban hành kèm theo Nghị định số/2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022)

**TÊN CÔNG TY CÔNG NGHỆ
TÀI CHÍNH/TÊN NGÂN HÀNG**

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO

**ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH
(FINTECH) TRONG LĨNH VỰC NGÂN HÀNG**

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

I. Các thông số kỹ thuật của thử nghiệm:

- Các ưu đãi/hỗ trợ về chính sách đã được hưởng (nếu có);
- Số lượng khách hàng đã tham gia;
- Số lượng khách hàng có sử dụng sản phẩm thử nghiệm;
- Số đối tác tham gia triển khai sản phẩm thử nghiệm;
- Giá trị và số lượng giao dịch;
- Doanh thu;
- Giá cả (nếu có);
- Lưu lượng dữ liệu hoặc/và các thông số tương tự (nếu có);
- Số lượng hoặc/và quy mô sự cố rủi ro, gian lận phát sinh (bao gồm cả rủi ro về Phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật);
- Tổng số khiếu nại đã nhận và đã giải quyết;
- Số lượng, quy mô của các sự cố kỹ thuật, sự cố bảo mật;
- Các thông số khác (nếu có, tùy theo đặc thù của dịch vụ thử nghiệm).

II. Bài học rút ra sau thử nghiệm:

- Về tổ chức vận hành;

- Về hệ thống kỹ thuật, bảo mật;
- Về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;
- Về bảo vệ khách hàng;
- Về làm việc với đối tác;
- Đánh giá về tính hữu ích, hiệu quả của các ưu đãi/hỗ trợ chính sách đã được hưởng;
- Đánh giá về nguyên nhân khách quan, chủ quan dẫn đến thất bại của thử nghiệm (nếu có);
- Các bài học khác.

III. Kế hoạch triển khai tiếp theo

IV. Kiến nghị:

- Với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- Với Chính phủ, các bộ ngành khác;
- Các kiến nghị khác./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC SỐ 08(Ban hành kèm theo Nghị định số/2022/NĐ-CP ngày tháng năm 2022)

**TÊN CÔNG TY CÔNG NGHỆ
TÀI CHÍNH/TÊN NGÂN HÀNG**

....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO SỰ CỐ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Thông tin chung

Thời điểm xảy ra sự cố (ngày, giờ xảy ra sự cố):.....

Mô tả sự cố:.....

Nguyên nhân gây ra sự cố:.....

Khoảng thời gian xảy ra sự cố:.....

2. Các biện pháp xử lý, khắc phục (trong đó nêu thời điểm hoàn thành khắc phục):

3. Các thiệt hại phát sinh (nếu có)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.